

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 83/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH F;

Trụ sở: Tầng B, tòa nhà C, số G N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Trụ sở theo thông tin cũ: Tầng B, tòa nhà C, số G N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Nhật L, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà S, số D U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: Tầng E, Tòa nhà S, số D U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/11/2024 và Giấy ủy quyền ngày 13/01/2025).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Đ;

Trụ sở: Số B Hồ N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Trụ sở theo thông tin cũ: Số B Hồ N, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị D, sinh năm 2000;

Địa chỉ: D N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 16/6/2025)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn Công ty TNHH Đ xác nhận còn nợ nguyên đơn Công ty TNHH F tính đến 30/7/2025 tổng số tiền 1.226.777.054 (Một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi bốn) đồng phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH F và Công ty TNHH Đ từ 01/01/2021 đến ngày 30/7/2025, trong đó: tiền mua hàng còn thiếu là: 1.098.333.100 (Một tỷ không trăm chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn một trăm) đồng và lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 30/5/2024 đến ngày 30/7/2025 với lãi suất 10%/năm là 128.443.954 (Một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Đ sẽ thanh toán cho Công ty TNHH F tổng số tiền là 1.226.777.054 (Một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi bốn) đồng thành 02 đợt như sau:

- Ngày 20/8/2025 Công ty TNHH Đ sẽ thanh toán cho Công ty TNHH F số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng;

- Ngày 30/9/2025 Công ty TNHH Đ sẽ thanh toán cho Công ty TNHH F số tiền là 626.777.054 (Sáu trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi bốn) đồng.

Trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện việc thanh toán hoặc thực hiện việc thanh toán nhưng số tiền không đủ như cam kết thì Công ty TNHH F được quyền nộp đơn tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 24.401.656 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ một nghìn sáu trăm năm mươi sáu) đồng: Bị đơn Công ty TNHH Đ;

H lại cho Công ty TNHH F số tiền 29.505.764 (Hai mươi chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003654 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
(Phòng THADS khu vực 4 – TP.Hồ Chí Minh);
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc